

Bản án số: 45/2020/ HS-ST
Ngày: 31 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng.

-Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước.
2. Ông Trần Văn Hưng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Ông Lê Tây Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 41/ 2020/ TLST- HS ngày 29 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1993. Tại: Tỉnh Bạc Liêu.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh L; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1959 và bà Chiu Thị N, sinh năm: 1960; Em ruột có 03 người lớn nhất sinh năm: 1984, nhỏ nhất sinh năm: 1993; Tiền sự: không; Tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại:

Chị Đặng Thúy K, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: ấp Q, xã Đ, huyện H, tỉnh L (Vắng mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Phạm Thị Hồng T, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện H, tỉnh L (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 10 phút, ngày 20/4/2020, Nguyễn Văn T, sinh năm: 1993, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh L điều khiển xe mô tô 64FB-5939 đi làm từ nhà bạn gái tên Phạm Thị Hồng T ở xã L, huyện B, tỉnh L đi trên tỉnh lộ 909 hướng B – Thị trấn Long H đến địa phận ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh L, nhìn thấy chị Đặng Thúy K, sinh năm 1984, ấp Thông Q, xã Đ, huyện H, tỉnh L điều khiển xe mô tô 64B1-507.58 đi cùng chiều phía trước cách khoảng 03 mét T nhìn thấy chị K có để 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO A31 4GB màu đen trong túi quần bên trái và lộ ra khỏi túi quần khoảng một nửa. T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị K để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đến khúc đường vắng cách điện lực Long Hồ khoảng 50 mét. T điều khiển xe mô tô 64FB-5939 tăng ga lên bên trái xe của chị K, khi xe của T ngang với xe của chị K. T dùng tay phải giật lấy điện thoại di động từ túi quần bên trái của chị K rồi tăng ga bỏ chạy về hướng thị trấn Long Hồ, sau khi chiếm đoạt được điện thoại di động T kiểm tra bên trong ốp lưng điện thoại di động có 01 tờ tiền mệnh giá 01 USD và mệnh giá 02 USD, sau khi bị giật điện thoại di động chị K đến trình báo Công an.

Quá trình xác minh đến ngày 24/4/2020, Công an mời T làm việc, trong quá trình làm việc T thừa nhận toàn bộ hành vi giật điện thoại di động của chị K và tự nguyện giao lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 4GB màu đen, 01 tờ tiền mệnh giá 01 USD và mệnh giá 02 USD cho cơ quan điều tra Công an huyện Long Hồ.

Căn cứ vào kết quả định giá số 30 ngày 08/5/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Long Hồ kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 4GB màu đen có giá 3.861.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 01 USD có giá 23.300 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 02 USD có giá 46.600 đồng. Tổng giá trị là 3.930.900 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường.

Đối với xe mô tô 64FB-5939 của chị Phạm Thị Hồng T cho Nguyễn Văn T mượn để đi làm, Nguyễn Văn T dùng xe mô tô 64FB-5939 đi giật tài sản của người

khác chị T không biết. Nhận thấy chị Phạm Thị Hồng T không liên quan đến vụ án nên trả xe mô tô 64FB-5939 lại cho chị T.

Cáo trạng số 46/CT-VKS, ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long truy tố Nguyễn Văn T về tội “ Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

-Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, công nhận cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ đối với hành vi phạm tội của bị cáo là đúng. Quá trình điều tra không có ai ép cung bị cáo.

-Tại phiên Tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Cướp giật tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Cướp giật tài sản”. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong quá trình điều tra.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 06 giờ 10 phút, ngày 20/4/2020, Nguyễn Văn T, điều khiển xe mô tô 64FB-5939 đến địa phận ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh L, T có hành vi giật lấy điện thoại di động của chị Đặng Thúy K, sinh năm 1984, ấp Q, xã Đ, huyện H, tỉnh L đang điều khiển xe mô tô 64B1-507.58 đi cùng chiều phía trước của T, T kiểm tra bên trong ốp lưng điện thoại di động hiệu OPPO A31 4GB màu đen có 01 tờ tiền mệnh giá 01 USD và mệnh giá 02 USD.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Long Hồ: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 4GB màu đen có giá 3.861.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 01 USD có giá 23.300.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 02 USD có giá 46.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.930.900 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “ Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là hoàn toàn đúng.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của bị hại, bị cáo đã giật tài sản của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nguy hiểm đến tính mạng của người khác nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Điều này thể hiện sự xem thường tài sản, sức khỏe, tính mạng của người khác. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo mức án tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Về tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông nội là liệt sỹ, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người làm thuê, trình độ học vấn thấp thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong quá trình điều tra, nên không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2020.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

4. Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong quá trình điều tra, nên không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Công an huyện Long Hồ;
- Nhà tạm giữ CA huyện Long Hồ;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã T, L, L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng